

Số: 157/2019/QĐST-HNGĐ

H, ngày 19 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Lê Trọng Kh, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Và chị Lê Thị S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về Hôn nhân: Anh Lê Trọng Kh và chị Lê Thị S kết hôn vào năm 1990 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống cuộc sống bình thường cho đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mất lòng tin ở nhau, thường xuyên cãi vã. Nay hai bên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lê Trọng Kh và chị Lê Thị S có 03 con chung là Lê Trọng Ng, sinh ngày 25/5/1990; Lê Thị Thu H, sinh ngày 09/9/1992 và Lê Trọng Gia B, sinh ngày 05/7/2010.

Hai bên thỏa thuận: Cháu Lê Trọng Ng và Lê Thị Thu H đã trưởng thành, còn cháu Lê Trọng Gia B sẽ do chị Lê Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, chị S không được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Trọng Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng là: 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Lê Trọng Gia B trưởng thành.

3. Về tài sản:

Anh Kh và chị S thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có:

Thửa đất số 472, tờ bản đồ số 6A (E_48_08_209_c); Lô số 27 mặt bằng quy hoạch số 93/MBQH-UBND ngày 24/7/2007 của UBND huyện). Địa chỉ thửa đất: thôn 6 (hiện nay là thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích đất là 168,5m².

Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 06 (E_48_08_209_c); Địa chỉ thửa đất: thôn 9 (hiện nay là thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích đất là 201,0 m². Tài sản trên đất là nhà ở hiện tại anh Kh và chị S đang ở.

Hai bên thỏa thuận: Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 06 (E_48_08_209_c), Địa chỉ tại thôn 9 (hiện nay là thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cùng với nhà ở trên đất giao cho anh Kh được quyền sở hữu và sử dụng. Còn thửa đất số 472, tờ bản đồ số 6A (E_48_08_209_c); Địa chỉ tại: thôn 6 (hiện nay là thôn T), xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa Diện tích đất là 168,5 m² giao cho chị S sử dụng.

Sau ly hôn, vì chị S chưa có chỗ ở ngay nên anh Kh và chị S thống nhất chị S sẽ lưu cư tại nhà anh Kh trong vòng tối đa 01 năm. Sau khi hết thời hạn lưu cư hoặc bất cứ khi nào chị S chuyển ra ngoài sống thì anh Kh sẽ hỗ trợ cho chị S số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng chẵn*). Số tiền trên sẽ được anh Kh trả cho chị S ngay tại thời điểm chị S chuyển ra ngoài ở. Chị S sẽ được lưu cư tại nhà anh Kh thời hạn là 01 năm (tính đến ngày 11/6/2020).

Về công nợ: Anh Kh và chị S không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh Kh và chị S thỏa thuận giao cho anh Lê Trọng Kh nộp toàn bộ tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành và Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trọng Kh và chị Lê Thị S.

- Về con chung: Công nhận các cháu Lê Trọng Ng, sinh ngày 25/5/1990; Lê Thị Thu H, sinh ngày 09/9/1992 và Lê Trọng Gia B, sinh ngày 05/7/2010 là con chung của anh Lê Trọng Kh và chị Lê Thị S. Hai cháu Lê Trọng Ng và Lê Thị Thu H đã đủ tuổi thành niên và tự lập.

Chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trọng Gia B, sinh ngày 05/7/2010. Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, chị S không được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị S mỗi tháng là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Lê Trọng Gia B thành niên.

-Về tài sản:

Giao cho anh Lê Trọng Kh được quyền sở hữu và sử dụng khu nhà và đất ở tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 06 (E-48-08-209c) ở thôn 9 (nay là thôn B), xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Giao cho chị Lê Thị S được quyền sử dụng khu đất tại thửa đất số 472, tờ bản đồ số 6A (E-48-08-209c) ở thôn 6 (nay là thôn T), xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Kh và chị S thống nhất chị S sẽ lưu cư tại nhà anh Kh trong vòng tối đa 01 năm (tính từ thời điểm anh chị thỏa thuận đến ngày 11/6/2020). Sau khi hết thời hạn lưu cư hoặc bất cứ khi nào chị S chuyển ra ngoài sống thì anh Kh sẽ hỗ trợ cho chị S số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Số tiền trên sẽ được anh Kh giao cho chị S ngay tại thời điểm chị S chuyển ra ngoài ở.

Về công nợ: Anh Kh và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Trọng Kh tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0005659 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (Anh Kh đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

Trong trường hợp bản án (quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện H.
- Chi cục THADS huyện H.
- UBND xã T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú